

Từ khi thực hiện cơ chế khoán 10, hộ nông dân thực sự trở thành một đơn vị kinh tế tự chủ trong sản xuất kinh doanh: tự chịu trách nhiệm đầu vào và chủ động chi phối đầu ra. Nếu như trước đây, người trực tiếp vay vốn và trả nợ cho ngân hàng là ban quản trị các hợp tác xã, các tập đoàn sản xuất và các HTX tín dụng ở nông thôn, thì bây giờ chức năng đó đã chuyển giao cho chính các hộ nông dân thực hiện. Ngay từ cuối năm 1990, ngân hàng nông nghiệp ở nhiều địa phương như An Giang, Hậu Giang, Long An, TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Thuận Hải, Nghệ Tĩnh... đã thử nghiệm việc cho hộ nông dân trực tiếp vay

hộ nông dân trực tiếp vay vốn là hoàn toàn đúng đắn, đáp ứng lòng mong mỏi bấy lâu của bà con đang trong cơn khát vốn. Với đồng tiền được vay, các hộ nông dân đã tập trung đầu tư cho thâm canh, mở rộng sản xuất hàng hóa, phát triển ngành nghề, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống và giải quyết công ăn việc làm cho số lao động đang dư thừa. Được vay vốn của Nhà nước với lãi suất phải chăng đã phần nào ngăn chặn được tệ cho vay nặng lãi, xóa bỏ dần sự cách biệt giữa người giàu và người nghèo vốn đang bị phân hóa ở nông thôn hiện nay.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, việc cho hộ nông dân trực tiếp vay vốn còn

hộ được vay và bình quân mỗi hộ vay được 1.174 đ)

- Mặc dù đã được lãi suất xuống 3%/tháng (theo quyết định 129/QĐ-NH11 28.7.1992 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Nam), nhưng so với ngành khác, mức lãi trên đối với các hộ nông dân vẫn còn cao vì chi sản xuất nông nghiệp thời gian thu hồi vốn chậm. Ở một số vùng sản xuất

CHO HỘ NÔNG DÂN VAY VỐN NHỮNG VẤN ĐỀ ĐANG ĐƯỢC ĐẶT RA

PTS. HOÀNG THỊ CH
Khoa Kinh tế - Trường Đại học Kinh



Ảnh: Trường Giang

vấn đề sản xuất kinh doanh và thu được kết quả khả quan. Giữa năm 1991, chỉ thị 202-CT của Chủ tịch HĐBT ra đời chính thức cho phép Ngân hàng nông nghiệp Việt Nam cho vay vốn trực tiếp tới hộ nông dân. Từ đó đến nay, toàn quốc đã có hơn một triệu lượt hộ nông dân được vay vốn ngân hàng với doanh số gần 900 tỷ đồng. Riêng TP Hồ Chí Minh, theo số liệu của Ngân hàng nông nghiệp, tính đến cuối tháng 8.1992 đã có 18.059 hộ được vay với tổng số vốn là 21.155.000.000 đ. Chủ trương cho

những vấn đề đặt ra cần được giải quyết, đó là:

- Số hộ nông dân được vay còn quá ít và bình quân số tiền mỗi hộ được vay chưa nhiều. Hiện nay ta có khoảng 13 triệu hộ nông dân, trong đó có gần 6 triệu hộ thiếu vốn sản xuất (chiếm 45%) mà đến nay mới chỉ có hơn một triệu hộ được vay (khoảng trên dưới 10%). Bình quân một hộ tính ra chỉ được vay 500.000-600.000 đồng. Tất nhiên có nơi số hộ được vay nhiều hơn (tại TP Hồ Chí Minh, 17% số

khẩn, lợi nhuận bình quân trong sản xuất nông nghiệp còn thấp hơn cả lãi suất ngân hàng.

- Cho vay chưa có đối tượng. Nhiều nông dân nghèo là được vay, nhưng cần biết nghèo do đâu? Phải thực sự thiếu vốn chứ vì không biết tính làm ăn lại thêm có quen rượu chè, cờ bạc! Số hộ được vay vốn nhiều sử dụng không đúng đích. Những thiếu sót gây ra hậu quả công nợ chưa, ngân hàng khó thu vốn, thậm chí có người mất vốn.

- Việc thế chấp sản cũng là vấn đề mứu giữa ngân hàng nghiệp và các hộ nông dân vì phần đông các hộ nông dân tài sản trong gia đình ít, trị thấp mà quyền sử dụng đất cũng không nhiều, nhất là những ruộng đất bình quân người quá thấp.

Thủ tục cho vay rườm rà, gây không thuận lợi cho bà con.

Để tín dụng nông nghiệp mang lại hiệu

thiết thực hơn, chúng tôi xin có một số kiến nghị:

1. Để tăng nguồn vốn trong nông nghiệp, giúp người nông dân có thể vay được nhiều hơn, bên cạnh hệ thống ngân hàng đã có nên tổ chức thêm những loại hình tín dụng mới, thí dụ các ngân hàng cổ phần để huy động trước hết là nguồn vốn tại chỗ. Ở nông thôn Việt Nam hiện nay, nếu những hộ nông dân nghèo chiếm đa số thì vẫn có không ít những hộ giàu thực sự. Nhờ chính sách đổi mới trong nông nghiệp, nhiều hộ đã trở thành triệu phú, tỷ phú. Nhà nước cần có chính sách thỏa đáng để động viên nguồn vốn tiềm tàng từ số hộ này.

Cũng cần chú ý thêm tới nguồn vốn tài trợ và vay nhẹ lãi từ nước ngoài. Bấy lâu nay, Việt Nam có được nguồn vốn kể trên không nhỏ và đã phục vụ cho nông nghiệp, nhưng việc sử dụng phân tán, không sát mục tiêu, gây lãng phí và hiệu quả thấp. Nhà nước nên cố gắng nâng tỷ trọng đầu tư trực tiếp vào sản xuất nông nghiệp từ nguồn vốn này, thông qua các tổ chức tín dụng, cho các hộ nông dân vay trung hạn.

2. Vì nhà nước không còn bao cấp, các ngân hàng nông nghiệp muốn tồn tại phải thực sự kinh doanh tiền tệ. Lãi suất mà ngân hàng cho vay tất nhiên phải lớn hơn lãi suất tiền gửi, do đó khi đem áp dụng cho nông dân thì bà con khó chấp nhận. Đã đến lúc nhà nước cần xây dựng quỹ tài trợ và quỹ này sẽ tác động trực tiếp và có lợi cho bà con nông dân bằng sự trợ giá mua vật tư và giá bán nông sản, hoặc gián tiếp qua tín dụng nông nghiệp với lãi suất thấp. Nếu không có đủ điều kiện để lập ra quỹ tài trợ này,

Ảnh: Trường Giang



Nhà nước nên xem xét lại chức năng của hệ thống các ngân hàng nông nghiệp: đó sẽ là ngân hàng phát triển hay ngân hàng thương mại?

3. Để đồng tiền thực sự đến với những hộ nông dân đang có mục đích chính đáng, cần làm tốt công tác điều tra nhu cầu vốn trong dân, phân loại các đối tượng ưu tiên. Tiêu chuẩn được ưu tiên vay là những hộ có kinh nghiệm sản xuất, có sức lao động nhưng thiếu vốn. Cần phân biệt giữa hộ nghèo đói và hộ nghèo vốn. Hộ nghèo đói cần được giúp đỡ bằng các biện pháp theo chương trình "Xóa đói, giảm nghèo". Xác định đúng đối tượng vay vừa phát huy được hiệu quả đồng vốn, vừa tạo điều kiện thuận lợi để ngân hàng thu nợ đúng hạn.

4. Nhiều nơi, do người nông dân không có vật thế chấp, ngân hàng địa phương đã không mạnh dạn cho vay, sợ "thả gà ra chuồng, không bắt lại được". Đa phần hiện nay, người nông dân dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất làm vật thế chấp, nhưng ở một số nơi chính quyền chưa cấp giấy này và Nhà nước chưa cho phép chuyển nhượng mua bán, lưu hành và sử dụng nó như một thứ chứng từ có giá trị thanh toán cho nên về nguyên tắc, giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất hiện nay chưa phải là một phương tiện thế chấp trong khi vay nợ. Cần chú ý rằng người nông dân Việt Nam vốn rất tôn trọng chữ "tín". Thực tế, ở nhiều nơi sau khi thu hoạch sản phẩm, bà con cũng lo gom tiền trả nợ ngân hàng ngay để được tiếp tục cho vay vụ sau (ở Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi thu hoạch, 85% số hộ đã mang tiền trực tiếp trả nợ tại các ngân hàng huyện). Nhìn chung, tỉ lệ vốn thất thoát không đáng kể, khoảng 2-3%, cá biệt có 5%. Vậy có nên cho nông dân vay không cần thế chấp như một số nước đã làm không? Trước mắt,

theo ý kiến chúng tôi, tạm thời vẫn có thể vận dụng hình thức cho vay theo tín chấp (vay gián tiếp) đối với những hộ nghèo, tức là các tổ chức chính quyền, tổ chức đoàn thể đứng ra vay ngân hàng rồi giao vốn đến từng hộ. Bên cạnh đó, có thể phát triển hình thức cho vay theo thế chấp bằng hai cách. Cách thứ nhất, cho những hộ khá giả, có khả năng thanh toán lại vốn cho ngân hàng, được đứng ra vay đại diện cho một số hộ nghèo (bảo lãnh cho họ, nhưng phải có cam kết) với tinh thần "tương thân tương ái". Cách thứ hai, tổ chức dịch vụ tín dụng cho nông dân. Người làm dịch vụ có thể là những hộ giàu, dám kinh doanh tiền tệ và dám chấp nhận rủi ro. Họ ký hợp đồng cam kết vay vốn của ngân hàng theo thời hạn và dùng vốn đó cho nông dân vay theo khung lãi suất của ngân hàng quy định. Họ được hưởng phí dịch vụ tín dụng do ngân hàng trả theo doanh số. Cách làm như vậy đảm bảo đồng vốn được di chuyển nhanh và chắc chắn. Liên quan tới phí dịch vụ, nên chăng ngân hàng trích từ quỹ phát triển kinh doanh của mình để chi trả?

5. Tiếp tục chấn chỉnh thể thức, thủ tục cho vay để người nông dân không bị mất nhiều thì giờ cho việc làm đơn, xin chứng thực, lập bảng kê khai tài sản thế chấp, khế ước nhân nợ...

Cho hộ nông dân trực tiếp vay vốn là một hướng đi đúng, hợp nguyện vọng của người lao động. Đây là một nét đổi mới trong quản lý tài chính và nông nghiệp mà người thực hiện chính là các ngân hàng nông nghiệp và các hộ nông dân. Mong rằng hướng đi này tiếp tục được nghiên cứu, đa dạng hóa để đồng vốn Nhà nước đến được tay bà con nông dân nhiều hơn, nhanh hơn, hiệu quả hơn.

HTC